

2024-2025 USA Fencing Rolling Point Standings  
V60MF

RANK	NAME	CURRENT AS OF:		ROLLING TOTAL	V60 - JAN		V60 - APR		V60 - NTLS		V60 - WORLDS	
		YOB	10/30/2024 DIVISION		PLACE	2024 POINTS	PLACE	2024 POINTS	PLACE	2024 POINTS	PLACE	2024 POINTS
1	Grandbois, Peter	1964	Columbus OH	800	1	400	np	0	1	400	10	0
2	Dew, Eric	1963	Northern CA	736	2	368	2	368	3	340	25	0
3	Lawrence, John W	1956	New Jersey	680	3	340	3	340	9	214	18	0
4	Hayenga, Gary M	1962	Michigan	676	7	276	1	400	23	128	37	0
5	Douraghy, Jamie	1959	Southern California	620	3	340	9	214	5	280	np	0
6	Leblanc, Gerald	1956	Southern California	618	9	214	3	340	6	278	np	0
7	Diaz, Julio P	1964	Georgia	576	12	208	np	0	2	368	np	0
8	Olivares, Frets G	1965	Gold Coast	560	np	0	np	0	np	0	np	0
9	Pimoutkine, Roustam R	1965	Metro NYC	552	np	0	np	0	np	0	np	0
10	Gross, Stephen R	1956	Capitol	548	8	274	8	274	16	200	np	0
11	Kaihatsu, Edward J	1959	Illinois	490	5	280	np	0	11	210	np	0
12	Balestracci, Chris	1962	Connecticut	488	np	0	7	276	10	212	np	0
13	Done, Harris	1963	Southern CA	484	13	206	11	210	8	274	np	0
14	Wharton, David	1961	Southern CA	416	10	212	14	204	np	0	np	0
15	Estell, Oscar M	1961	Central California	414	15	202	10	212	19	136	np	0
16	Cracraft, William	1959	Northern California	408	23	128	5	280	24	126	np	0
17T	Drake, David L	1956	San Diego	346	np	0	17	140	13	206	np	0
17T	Wilbert, Matt	1959	New England	346	np	0	12	208	18	138	np	0
19T	Voyaziakis, Emanuel	1963	Metropolitan NYC	342	14	204	18	138	np	0	np	0
19T	Berger, Jamie	1964	Southern California	342	18	138	24	126	14	204	np	0
21	Fadl, Omar	1963	Virginia	334	16	200	np	0	20	134	np	0
22	Blair, Ray	1959	Central Florida	328	26	122	13	206	27	120	np	0
23	Karolak, Dale W	1959	Michigan	280	17	140	np	0	17	140	np	0
24	Dorfman, Mitchell J	1956	New Jersey	276	np	0	np	0	7	276	np	0
25	Krauss, John W	1959	Northeast	270	19	136	20	134	29	116	np	0
26	Lesniak, Chuck	1962	South TX	256	np	0	25	124	21	132	np	0
27	Treanor, Donald	1958	National	248	21	132	29	116	np	0	np	0
28	Yoo, Terry S	1963	Maryland	240	32	110	23	128	31	112	np	0
29	Lim, Richard	1957	Southern CA	236	30	114	np	0	26	122	np	0
30	Zeiss, Gary M	1958	Southern CA	222	31	112	np	0	32	110	np	0
31	Jones, Sam J	1960	South TX	210	11	210	np	0	np	0	np	0
32	Dell, George H	1958	Illinois	208	np	0	np	0	12	208	np	0
33	Rolando, Doc	1960	New Jersey	202	np	0	15	202	np	0	np	0
34	Mahnken, Thomas G	1965	Virginia	201	np	0	np	0	np	0	np	0
35	Hendricks, Ron	1958	Utah-S.Idaho	200	np	0	16	200	np	0	np	0
36	Wemple, Charles	1964	Gulf Coast	186	np	0	27	120	37	66	np	0
37T	Ryan, Sean	1959	Arizona	130	22	130	np	0	np	0	np	0
37T	Skopik, August	1961	Gulf Coast	130	np	0	22	130	np	0	np	0
39	Luong, Allen	1965	Central CA	128	np	0	np	0	np	0	np	0
40	Marvit, Maclen	1961	Northern CA	126	24	126	np	0	np	0	np	0
41T	Brandyberry, Mark	1957	Indiana	124	np	0	np	0	25	124	np	0
41T	Cheng, Stephen	1961	North TX	124	25	124	np	0	np	0	np	0
43	Van Stein, Thomas	1961	Utah-S.Idaho	122	np	0	26	122	np	0	np	0
44	Precciozzi, Aldo	1956	Gulf Coast	120	27	120	np	0	np	0	np	0
45	Procopio, Gregory M	1963	Orange Coast	118	28	118	np	0	np	0	np	0
46T	Lima, Roberto	1958	BRA	114	np	0	30	114	np	0	np	0
46T	Rivera, Ricky	1963	Northern OH	114	np	0	np	0	30	114	np	0
48T	Berger, Gregory	1956	New England	70	np	0	np	0	33	70	np	0
48T	Hagopian, Mitchell	1959	Wisconsin	70	33	70	np	0	np	0	np	0
50	Bruce II, Ommer E	1956	Central CA	69	34	69	np	0	np	0	np	0
51T	Giraldo, Elias	1964	Orange Coast	68	35	68	np	0	np	0	np	0
51T	Zaidi, Sohail	1964	Maryland	68	np	0	np	0	35	68	np	0
53	Jenkins, Michael	1963	Metro NYC	67	np	0	np	0	36	67	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2024-2025 USA Fencing Rolling Point Standings  
V60MF

CURRENT AS OF:	V50 - JAN	2024	V50 - APR	2024	V50 - NTLS	2024	V50 - WORLDS	2024
10/30/2024	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS
Grandbois, Peter	np	0	np	0	np	0	np	0
Dew, Eric	np	0	np	0	np	0	np	0
Lawrence, John W	np	0	np	0	np	0	np	0
Hayenga, Gary M	np	0	np	0	np	0	np	0
Douraghy, Jamie	np	0	np	0	np	0	np	0
Leblanc, Gerald	np	0	np	0	np	0	np	0
Diaz, Julio P	np	0	np	0	np	0	np	0
Olivares, Frets G	5	280	5	280	19	136	np	0
Pimoutkine, Roustam R	7	276	7	276	11	210	np	0
Gross, Stephen R	np	0	np	0	np	0	np	0
Kaihatsu, Edward J	np	0	np	0	np	0	np	0
Balestracci, Chris	np	0	np	0	np	0	np	0
Done, Harris	np	0	np	0	np	0	np	0
Wharton, David	np	0	np	0	np	0	np	0
Estell, Oscar M	np	0	np	0	np	0	np	0
Cracraft, William	np	0	np	0	np	0	np	0
Drake, David L	np	0	np	0	np	0	np	0
Wilbert, Matt	np	0	np	0	np	0	np	0
Voyiazakis, Emanuel	np	0	np	0	np	0	np	0
Berger, Jamie	np	0	np	0	np	0	np	0
Fadl, Omar	np	0	np	0	np	0	np	0
Blair, Ray	np	0	np	0	np	0	np	0
Karolak, Dale W	np	0	np	0	np	0	np	0
Dorfman, Mitchell J	np	0	np	0	np	0	np	0
Krauss, John W	np	0	np	0	np	0	np	0
Lesniak, Chuck	np	0	np	0	np	0	np	0
Treanor, Donald	np	0	np	0	np	0	np	0
Yoo, Terry S	np	0	np	0	np	0	np	0
Lim, Richard	np	0	np	0	np	0	np	0
Zeiss, Gary M	np	0	np	0	np	0	np	0
Jones, Sam J	np	0	np	0	np	0	np	0
Dell, George H	np	0	np	0	np	0	np	0
Rolando, Doc	np	0	np	0	np	0	np	0
Mahnken, Thomas G	21	132	np	0	34	69	np	0
Hendricks, Ron	np	0	np	0	np	0	np	0
Wemple, Charles	np	0	np	0	np	0	np	0
Ryan, Sean	np	0	np	0	np	0	np	0
Skopik, August	np	0	np	0	np	0	np	0
Luong, Allen	23	128	np	0	np	0	np	0
Marvit, Maclen	np	0	np	0	np	0	np	0
Brandyberry, Mark	np	0	np	0	np	0	np	0
Cheng, Stephen	np	0	np	0	np	0	np	0
Van Stein, Thomas	np	0	np	0	np	0	np	0
Precciozzi, Aldo	np	0	np	0	np	0	np	0
Procopio, Gregory M	np	0	np	0	np	0	np	0
<i>Lima, Roberto</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
Rivera, Ricky	np	0	np	0	np	0	np	0
Berger, Gregory	np	0	np	0	np	0	np	0
Hagopian, Mitchell	np	0	np	0	np	0	np	0
Bruce II, Ommer E	np	0	np	0	np	0	np	0
Giraldo, Elias	np	0	np	0	np	0	np	0
Zaidi, Sohail	np	0	np	0	np	0	np	0
Jenkins, Michael	np	0	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)